

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136/2023/DS - PT**

Ngày: 12 - 12 - 2023

V/v “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh;**

bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền.**

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Nguyễn Thị Hương Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLPT - DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108A/2023/QĐ - PT ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông **Lê Hoàng H**, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- **Bị đơn:** ông **Nguyễn Minh S**, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (*Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam*).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- **Người kháng cáo:** nguyên đơn Lê Hoàng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C.

Các ông, bà: H, C có mặt; ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn trình bày: ông Nguyễn Minh S là Chủ tịch UBND xã Q, huyện Q, đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền lực, làm những việc không đúng pháp luật, xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây thiệt hại cho vợ chồng ông H. Cụ thể:

Một là, ông S đã có hành vi gian dối, cho rằng ngoài diện tích đất rừng tại khu vực rừng D, thôn K mà vợ chồng ông H được giao khoán 2.500m² thì vợ chồng ông đã

lấn chiếm đất mà chính quyền đã giao khoán cho các nhóm hộ khác (*Tổ A, 2, 3*), dẫn đến vợ chồng ông đã sử dụng $8.500m^2$. Nhưng thực tế diện tích vợ chồng ông đã sử dụng ngoài diện tích giao khoán $2.500m^2$ là đất mà vợ chồng ông tận dụng đất mả, tự khai hoang và đất của ông Lê Văn T (*là chú của ông H*) cho vợ chồng ông sử dụng. Việc làm này được thể hiện trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND xã Q ngày 14/8/2020.

Hai là, ông S đã có hành vi tham lam, buộc vợ chồng ông viết cam kết giao toàn bộ diện tích đất rừng tại khu vực rừng D, thôn K ($8.500m^2$) và toàn bộ cây trên đất để ông S khai thác và trả lại cho vợ chồng ông tiền cây giống. Nội dung này là ý kiến phát biểu của ông S tại biên bản họp ngày 06/3/2020.

Ba là, tại Báo cáo số 16 của UBND xã Q gửi UBND huyện Q có nội dung “*gia đình ông Lê Hoàng H giao lại $8.500m^2$ đất tại khu vực rừng D, thôn K cho U để giao khoán lại cho toàn dân*” trong khi vợ chồng ông đang sử dụng đất đúng mục đích nhưng không hiểu vì lý do gì mà ông S buộc gia đình ông giao lại đất để giao khoán cho các hộ dân khác.

Theo đó, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản tiền gồm: tổn thất tinh thần (*do vợ chồng ông H phải lo lắng, suy nghĩ, mất ngủ*) mỗi người 10.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng; thiệt hại về kinh tế (*vợ chồng ông không đi làm, phải tham gia họp khoảng 10 ngày/người, tiền công của ông 600.000 đồng/ngày, của bà C 300.000 đồng/ngày*) là 20.000.000 đồng. Buộc ông S phải họp dân công khai, minh bạch về diện tích đất cụ thể vợ chồng ông đang sử dụng, vợ chồng ông không lấn chiếm đất đã giao khoán của các Tổ 1, 2, 3 như ông S đã kết luận tại các cuộc họp.

Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: quá trình giải quyết việc lấn chiếm đất rừng D, bản thân ông được nhà nước giao nhiệm vụ quản lý tại địa phương, theo chức năng ông đã thực hiện các bước theo quy trình được luật quy định. Việc UBND xã Q xác định vợ chồng ông H đang sử dụng đất lấn chiếm tại Quyết định giải quyết khiếu nại ngày 24/8/2020 là đúng thực tế và phù hợp với nội dung kết luận tại Quyết định 737/QĐ - UBND ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Q về diện tích nhóm hộ ông H đang sử dụng lấn chiếm gồm: diện tích được giao khoán năm 2008 theo chu kỳ cây là 06 năm được tính từ tháng 9/2008 đến năm thu hoạch tháng 9/2014 là $2.500m^2$; diện tích lấn chiếm của các tổ dân cư xung quanh từ năm 2014 là $331,3m^2$; diện tích đang có mả, nằm ngoài diện tích giao khoán $4.613m^2$.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: vợ chồng bà sử dụng đất không có giấy tờ là đất lấn chiếm nhưng đây là tình trạng chung của nhiều địa phương, nhiều hộ gia đình, không phải riêng gia đình bà tại xã Q, nhiều người dân đã tận dụng đất mả, đất bỏ hoang để trồng cây kiếm thêm thu nhập. Việc gia đình bà sử dụng diện tích đất nhiều hơn diện tích đất được giao khoán không phải do tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích mà do sai số đo đạc. Đối với việc giao khoán đất theo biên bản

thỏa thuận giao đất rừng cho nhóm hộ vào năm 2008 theo chu kỳ cây, nên việc trồng cây trên đất đã được giao khoán vào năm 2008 của gia đình bà là đúng pháp luật.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS - ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 584, 585, 592 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: *không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”*.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn Lê Hoàng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: Tòa án, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 46/2023/DS - ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; ông H, bà C không rút đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về thủ tục tố tụng

[2.1.1]. Việc kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thụ lý trong thời hạn, đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo của ông Lê Hoàng H và bà Nguyễn Thị C là hợp pháp.

[2.1.2]. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.2]. Về nội dung

Xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ liên quan đến những việc mà phía nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Minh S lạm quyền, vụ lợi, thực hiện hành vi trái pháp luật (thể hiện tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND xã Q ngày

14/8/2020, biên bản làm việc với ông Lê Hoàng H ngày 06 tháng 3 năm 2020, Báo cáo số 16 của UBND xã Q gửi UBND huyện Q) với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử xác định: toàn bộ nội dung làm việc theo biên bản lập ngày 06 tháng 3 năm 2020, Báo cáo số 16/BC – UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND xã Q ngày 14/8/2020 (BL: 121; 03 - 07) là phần việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm quản lý hành chính nhà nước, quản lý đất đai, giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại các điều 31, 34, 35, 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, các điều 7, 8, 132, 164 Luật Đất đai năm 2013, các điều 3, 14, 18, 38, 55, 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính, các điều 5, 14, 17, 29, 30 Luật Khiếu nại năm 2011, Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ – CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Mặt khác, ông H, bà C đã khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân xã Q số 330/QĐ – UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 737/QĐ – UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 (BL: 52 – 57; quyết định giải quyết khiếu nại đang có hiệu lực). Theo quyết định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q nhận định rằng: việc Ủy ban nhân dân xã Q xác định nhóm hộ đã lấn, chiếm các diện tích đất 2500m² (đất được giao khoán cho BND thôn K), 4.613m² (có một phần diện tích có phần mộ của người thân nhóm hộ và các thân nhân khác trong khu vực), 331,3m² (sử dụng từ việc lấn, chiếm ở các Tổ dân cư xung quanh) là đúng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thừa nhận “sử dụng đất không có giấy tờ là đất lấn chiếm, nhưng tình trạng chung của nhiều hộ dân, nhiều địa phương” (BL 226). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà C thừa nhận: “Diện tích đất ngoài phần đất 2500m² được giao khoán năm 2008 có nguồn gốc là đất rừng nguyên sinh của nhà nước, trước năm 2008 không ai sử dụng, từ năm 2008 ông, bà tận dụng sử dụng như những người dân khác ở địa phương, việc làm này là lấn chiếm đất của nhà nước chứ không lấn chiếm của hộ dân nào khác...”. Theo đó, việc nguyên đơn cho rằng cá nhân công dân Nguyễn Minh S đã lạm quyền, vụ lợi, thực hiện hành vi trái pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ tại phiên làm việc ngày 06 tháng 3 năm 2020, Báo cáo số 16/BC – UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND xã Q ngày 14/8/2020 là không có cơ sở thực tiễn và căn cứ pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn không có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông H, bà C và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

Thứ hai, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất rừng tại địa phương liên quan đến các phần việc mà nguyên đơn khởi kiện trong vụ án này không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính theo quy định tại Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Thứ ba, tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh chứng cứ, tình tiết mới làm thay đổi kết quả xét xử sơ thẩm.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Hoàng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C, giữ nguyên

Bản án sơ thẩm số 46/2023/DS - ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

[2.3]. Về án phí: yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H được xét xử trong vụ án này thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo các điều 12, 26, 28 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 266, 273, 294, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 584, 585, 592 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 31, 34, 35, 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; các điều 7, 8, 132, 164 Luật Đất đai năm 2013; các điều 3, 14, 18, 38, 55, 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính; các điều 5, 14, 17, 29, 30 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ – CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Hoàng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS - ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hoàng H về việc buộc ông Nguyễn Minh S phải bồi thường số tiền 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và buộc ông Nguyễn Minh S tổ chức họp dân (*với thành phần như phiên họp ngày 06/3/2020*) để “*công khai, minh bạch về diện tích đất cụ thể vợ chồng ông đang sử dụng, xác định vợ chồng ông H, bà C không lấn chiếm đất đã giao khoán như ông S đã kết luận tại các cuộc họp*”.

3. Án phí dân sự: miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hoàng H; miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Hoàng H và bà Nguyễn Thị C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (*Luật THADS*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*ngày 12/12/2023*).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng